TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **28**/2020/HNGĐ-ST Ngày: 05-6-2020 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Quang Chung**

Ông **Nguyễn Văn Hải**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hữu Huỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 579/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Diệu H,** sinh năm: 1987

Bị đơn: Anh **Phạm Hữu Ph,** sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Tổ 5, Ấp 1, xã Trà Cổ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Hiền đề nghị xét xử vắng mặt; anh Ph vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2019, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diệu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Phạm Hữu Ph tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 441, ngày 28/8/2006.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị đầm ấm, hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, không thông cảm và chia sẻ được với nhau những vấn đề trong cuộc sống, công việc, có

lần cãi vã anh Ph đánh đập chị, mâu thuẫn thực tế như nào chị khai như vậy chứ không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Từ năm 2014 cho đến nay chị và anh Ph đã không còn sống chung với nhau và hiện nay chị đang đi làm ăn xa nhà để gửi tiền về các con. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Hữu Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung Phạm Hữu P, sinh ngày 29/3/2006 và Phạm Hữu P1, sinh ngày 09/01/2009. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu P, P1, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo chị H, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/01/2020 lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Phạm Hữu Ph trình bày

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ph thừa nhận, vợ chồng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Nhưng vợ chồng anh đã không sống chung với nhau khoảng 03 (ba) năm nay. Chị H khởi kiện xin ly hôn anh Ph nhưng các con còn nhỏ nên anh Ph không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung Phạm Hữu P, sinh ngày 29/3/2006 và Phạm Hữu P1, sinh ngày 09/01/2009.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của các on chung (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai; đơn đề nghị không hòa giải; đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản ghi nhận ý kiến của các cháu Phạm Hữu P, Phạm Hữu P1 đề ngày 17/01/2020; Các biên bản xác minh ngày 12/02//2020; 18/3/2020 về tình trạng hôn nhân của các đương sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị H ly hôn với anh Phạm Hữu Ph; về con chung: Đề nghị giao hai cháu Phước, Phẩm cho chị Hiền nuôi dưỡng, tạm thời anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Về nợ chung: Chị H khai không có, nên không xem xét; đối với anh Phạm Hữu Ph nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Diệu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Hữu Ph, tranh chấp về nuôi hai con chung là Phạm Hữu P, sinh ngày 29/3/2006 và Phạm Hữu P1, sinh ngày 09/01/2009. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm Hữu Ph có nơi cư trú tại Ấp 1, xã C, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diệu H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H, anh Ph được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tân Phú vào ngày 28/8/2006, vào sổ số 441, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Đời sống hôn nhân của chị H, anh Ph đầm ấm, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không thông cảm và chia sẻ cho nhau những vấn đề trong cuộc sống. Từ năm 2014 đến nay, chị H và anh Ph đã không còn sống chung, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

[5] Lời khai của nguyên đơn về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng một phần được bị đơn thừa nhận, phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng (Bút lục số 27, 28, 29, 30).

[6] Anh Ph cũng xác định, đến thời điểm hiện nay vợ chồng anh đã không còn sống chung với nhau được khoảng 03 (ba) năm. Nhưng anh Ph không đồng ý ly hôn vì hiện nay các con còn nhỏ nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H có đơn đề nghị không hòa giải. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Tòa án chỉ lập biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo Điều 207, Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Từ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập được nhận thấy chị H, anh Ph trong quá trình sống chung đã không tôn trọng, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Ph là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh Ph có 02 (hai) con chung là Phạm Hữu P, sinh ngày 29/3/2006 và Phạm Hữu P1, sinh ngày 09/01/2009. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

[8] Xét thấy từ khi vợ chồng chị H, anh Ph không còn sống chung thì các cháu ở nhà với ông Võ Văn Trí, do ông Trí trực tiếp chăm sóc chị H đi làm gửi tiền về để nuôi dưỡng các cháu ăn học là chính; anh Ph thỉnh thoảng phụ giúp tiền bạc chứ không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu điều này phù hợp với các biên bản xác minh về điều kiện nuôi con tại các bút lục 27, 28, 29. Do đó, xét về mặt kinh tế thì yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung của chị H là đảm bảo. Cháu Phạm Hữu P có nguyện vọng muốn được sống cùng chị H, còn cháu Phạm Hữu P1 có nguyện vọng muốn được sống với anh Ph. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Ph không có lời khai thể hiện nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và từ trước đến nay anh Ph cũng không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Vì vậy việc giao con cho anh Ph nuôi dưỡng chăm sóc là không có căn cứ. Do đó giao hai cháu Phạm Hữu P và Phạm Hữu P1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Tạm thời anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

[9] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị H khai không có, nên không xem xét; đối với anh Ph nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung đối với chị H thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[10] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147, và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 85,91,92,93 luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diệu H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" đối với anh Phạm Hữu Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diệu H được ly hôn anh Phạm Hữu Ph.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Phạm Hữu P, sinh ngày 29/3/2006; Phạm Hữu P1, sinh ngày 09/01/2009 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh Ph có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, chị H khai không có, nên không xem xét, giải quyết. Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng bằng vụ án khác cho anh Phạm Hữu Ph nếu có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diệu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 005705 ngày 17/12/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí. Chị H đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Ph có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã C (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK ngày 28/8/2006)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thịnh